

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARELITE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARELITE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STARELITE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: STARELITE TECHNO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110499141

3. Ngày thành lập: 06/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 17 ngõ 35, Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0582302484

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541

9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: - Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động; - Bảo dưỡng thông thường; - Sửa chữa khung, cangk, yếm, yên đệm mô tô, xe máy; - Sửa chữa các bộ phận khác của mô tô, xe máy; - Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn; - Dịch vụ đổ nước xe, dán keo xe; - Dịch vụ dán decal, PPF các loại xe; - Sửa chữa, bơm vá sảm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế; - Xử lý chống gỉ; - Thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đầu giá)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, củ, quả; Bán buôn trà các loại, các loại đậu; Bán buôn các loại hạt có dầu; Bán buôn thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Bán buôn đông trùng hạ thảo, nấm linh chi; Bán buôn các sản phẩm từ sữa, ngũ cốc, bột mì, tinh bột, bột; Bán buôn bánh, kẹo; Bán buôn các loại rau củ sấy, trái cây sấy, hạt sấy; Bán buôn măng sấy; Bán buôn cà phê từ đông trùng hạ thảo; Bán buôn các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết, cà phê hạt	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn đá grantit, đá hoa cương Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn giấy dán decal, PPF Bán buôn củi trấu ép, viên nén mùn cưa Bán buôn phân bón (Trừ các loại nhà nước cấm)	4669
27.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
28.	Chăn nuôi gia cầm	0146
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
31.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
33.	Khai thác thủy sản biển	0311
34.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299
37.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
38.	Lập trình máy vi tính	6201
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế máy móc và thiết bị, thiết bị các linh kiện, phụ kiện của máy bay, ô tô, xe máy, ... trong lĩnh vực công nghiệp	7110
41.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310

42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị, thiết kế bản vẽ 3D; - Hoạt động trang trí nội thất; - Thiết kế các sản phẩm in như bản phác thảo, maket, bản nháp	7410(Chính)
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động đo lường: thiết lập, sử dụng đơn vị đo, chuẩn đo lường; sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường; thực hiện phép đo; định lượng đối với hàng đóng gói sẵn (Loại trừ hoạt động của tư vấn chứng khoán, ngoại hối, nhà báo độc lập)	7490
44.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
47.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
48.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn. - Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả. - Chế biến thực phẩm chủ yếu là rau quả như bột rau, củ, quả..., trừ các thức ăn đã chế biến sẵn để lạnh; - Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,... - Chế biến thức ăn từ rau quả; - Chế biến mứt rau quả; - Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả); - Rang các loại hạt; - Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt. - Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng; - Sản xuất giá sống; - Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi; - Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông.	1030
49.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
50.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
51.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
52.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
53.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

54.	Sản xuất đường	1072
55.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
56.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
57.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
58.	Sản xuất chè	1076
59.	Sản xuất cà phê Chi tiết: Sản xuất cà phê từ đông trùng hạ thảo; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê túi lọc, chiết, cà phê hạt	1077
60.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Sản xuất đông trùng hạ thảo, nấm linh chi; Sản xuất, chế biến gia vị và các nguyên phụ liệu khác dùng cho chế biến thực phẩm	1079
61.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
62.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
63.	Sản xuất rượu vang	1102
64.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
65.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
66.	Sản xuất sợi	1311
67.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
68.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
69.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
70.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
71.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
72.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
73.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
74.	Sản xuất giày, dép	1520
75.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
76.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
77.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
78.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
79.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
80.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
81.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

82.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
83.	In ấn	1811
84.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
85.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
86.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
87.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
88.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
89.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
90.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
91.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
92.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
93.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
94.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huân chương, huy hiệu)	2599
95.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
96.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay (trừ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
98.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
100.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
101.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
103.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

104.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
105.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
106.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
107.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
108.	Xây dựng nhà không để ở	4102
109.	Xây dựng công trình điện	4221
110.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
111.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
112.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
113.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
114.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
115.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
116.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
117.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
118.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
119.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
120.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
121.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi Bán lẻ bàn, ghế, tủ văn phòng Bán lẻ giấy dán decal, PPF (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 120.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM ĐỨC LONG	CH 3311, Chung cư Imperia SmartCity, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	30,000	0010930347 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	36.000	360.000.000	30,000		
2	NGUYỄN MINH TRANG	Số nhà 3, ngõ 100/1/4, đường Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200	12.000.000	1,000	0011870151 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.200	12.000.000	1,000		

3	NGUYỄN THÁI VINH	Số nhà 3, ngõ 100/1/4, đường Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	82.800	828.000.000	69,000	001087021593
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	82.800	828.000.000	69,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THÁI VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087021593

Ngày cấp: 10/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 3, ngõ 100/1/4, đường Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 3, ngõ 100/1/4, đường Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội